

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TAM BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-08-2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 19 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03/06/2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/07/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993 (xin vắng)

Địa chỉ: Số A, Tổ B, Khu V, Phường T, Quận B, Thành Phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Trương Ngọc M**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/04/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Vào năm 2020, qua mai mối nên chị và anh Trương Ngọc M tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2020 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận B, Thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng chỉ kéo dài đến tháng 02 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong đời sống gia đình, tính tình không hợp nhau, mạnh ai

nấy sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Ngọc M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/07/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Ngọc M. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, anh Trương Ngọc M thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị H, anh đồng ý ghi ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn”; bị đơn anh Trương Ngọc M cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về pháp luật nội dung:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh M qua mai mối, tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường T, Quận B, Thành phố Cần Thơ vào ngày 30/10/2020 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo Nguyễn Thị H trình bày: Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng chỉ kéo dài đến tháng 02 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong đời sống gia đình, tính tình không hợp nhau, mạnh ai nấy sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Ngọc M.

Tại phiên tòa, anh Trương Ngọc M cũng trình bày: Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng chỉ kéo dài đến tháng 02 năm 2023 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong đời sống gia đình, tính tình không hợp nhau, mạnh ai nấy sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên qua yêu cầu ly hôn của chị H thì anh đồng ý.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị H và anh M đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn sống chung với nhau. Việc vợ chồng không còn sống chung cho thấy mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn, anh M cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh M là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...”*.

[2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H, anh Trương Ngọc M khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị H, anh Trương Ngọc M khai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trương Ngọc M.

[2]. *Về con chung*: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[2]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn là 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N_o 0014215 ngày 03/06/2024, nên chị Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000đ, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn anh Trương Ngọc M phải chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo